

## BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

**Nhiệm vụ:** Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

**Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

**Thời gian:** Đợt 2 (tháng 2/2018)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cổng Như Trác	Trời se lạnh, gió TTB 10 km/h, độ ẩm 88%, t° = 18°C. Cổng đóng. Thượng lưu công công dày đặc bèo (khoảng 15m)	Nước màu xanh lục.	7.65	16.5	4	0.2	0.831	0.423	323	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
2	2	Cổng Hữu Bị	Trời se lạnh, gió TB 8 km/h, độ ẩm 89%, t° = 18°C. Cổng đóng, trạm bơm đang bơm nước từ sông Châu Giang lên. Chân công có váng dầu.	Nước màu xanh lục.	8.45	9.8	7.1	0.1	0.117	0.500	2.1	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
												sinh.
3	3	Cống Cốc Thành	Trời se lạnh, gió ĐN 3 km/h, độ ẩm 70%, t° = 21°C. Cống mở, đang tháo nước ra sông, dòng chảy nhanh. Trên mặt nước có nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.62	27.9	4.25	0.5	<b>3.559</b>	1.197	633	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
4	4	Cống sông Chanh	Trời se lạnh, gió ĐĐN 3 km/h, độ ẩm 78%, t° = 18°C. Cống đóng, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Thượng lưu và hạ lưu cống có rác thải tại chân cống.	Nước màu xanh lục.	7.57	8.4	<b>2.3</b>	0.6	0.109	0.878	765	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
5	5	Cống Nhâm Tràng	Trời se lạnh, gió TB 8 km/h, độ ẩm 84%, t° = 17°C. Cống đóng. Chân cống tại	Nước màu vàng	7.71	10.1	<b>3.8</b>	0.5	0.264	0.961	719	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
			bể hút có nhiều bèo. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông.	lục.								<b>lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
6	6	Công Kinh Thanh	Trời se lạnh, gió Bắc 5 km/h, độ ẩm 85%, t° = 17°C. Cổng đóng. Ngoài sông có xà lan đi lại.	Nước màu xanh đen.	7.58	9.3	5.2	0.6	0.218	2.520	759	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
7	7	Công Cổ Đàm	Trời se lạnh, gió BTB 5 km/h, độ ẩm 85%, t° = 17°C. Cổng đóng. Ngoài sông có nhiều xà lan đang lấy cát.	Nước màu xanh đen.	7.52	6.8	<b>3.79</b>	0.5	0.303	1.193	640	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh.
8	8	Cổng Vĩnh Trị	Trời se lạnh, gió ĐĐN 3 km/h, độ ẩm 79%, t° = 18°C. Cổng đóng. Thượng lưu và hạ lưu cổng có nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	8.01	7.5	5.25	0.5	0.552	2.147	683	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
9	9	Đầu kênh T3	Trời se lạnh, gió ĐN 3 km/h, độ ẩm 70%, t° = 21°C. Dòng chảy rì. Trên mặt kênh có nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.7	16.7	5.2	0.5	<b>2.090</b>	0.767	625	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
10	10	Ngã 3 K.Biên Hòa – Kinh	Trời se lạnh, gió ĐB 3 km/h, độ ẩm 83%, t° = 17°C. Không có dòng chảy. Trên	Nước màu vàng lục.	7.58	27.1	4.85	0.5	<b>1.103</b>	0.817	676	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
		Thủy	mặt sông có bèo.									<b>lợi.</b>  Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Trời se lạnh, gió ĐDB 2 km/h, độ ẩm 76%, t° = 18°C. Dòng chảy chậm. Hai bên sông có bèo.	Nước màu xanh đen.	7.61	16.3	<b>3.28</b>	0.3	<b>1.414</b>	0.619	445	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Cầu đường 10 với sông Sắt	Trời se lạnh, gió ĐĐN 3 km/h, độ ẩm 79%, t° = 18°C. Nước đứng, không có dòng chảy. Hai bên bờ sông nhiều bèo.	Nước màu vàng lục.	7.72	26.8	<b>3.16</b>	0.4	<b>1.834</b>	0.729	420	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh.
13	13	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Trời se lạnh, gió TTB 10 km/h, độ ẩm 90%, t° = 18°C. Cổng đóng. Thượng lưu công dầy đặc bèo (khoảng 10m).	Nước màu xanh lục.	7.55	19.1	4.8	3	0.287	0.502	421	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
14	14	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Trời mưa nhỏ, gió BTB 5 km/h, độ ẩm 81%, t° = 17°C. Cổng đóng. Ngoài sông có nhiều bèo.	Nước màu xanh đen.	8	11.5	5.42	0.2	0.443	1.217	321	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
15	15	Ngã 3 K.Mỹ Đô – Kinh Thủy	Trời se lạnh, gió BTB 5 km/h, độ ẩm 84%, t° = 17°C. Dòng chảy rì. Trên mặt sông có ít bèo.	Nước màu xanh đen.	7.47	13.4	5.31	0.5	0.629	2.700	698	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
												kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
16	16	Ngã 3 sông Tiên Hương – S31	Trời se lạnh, gió Đông 2 km/h, độ ẩm 74%, t° = 19°C. Nước đứng, không có dòng chảy. Hai bên bờ sông có bèo và rác thải sinh hoạt.	Nước màu vàng lục.	7.5	17.3	5.9	0.4	<b>0.932</b>	0.779	574	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
17	17	Đập La Chợ	Trời se lạnh, gió ĐDB 3 km/h, độ ẩm 76%, t° = 18°C. Dòng chảy chậm. Chân cống nhiều rác thải.	Nước màu vàng đục.	7.86	32.4	4.1	0.4	<b>2.720</b>	0.763	562	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
18	18	Đập Biên Hòa	Trời se lạnh, gió TB 2 km/h, độ ẩm 80%, t° = 17°C. Công đóng. Trên mặt sông nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.59	19.5	4.25	0.3	0.816	1.107	427	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
19	19	Đập Vùa (CG12)	Trời se lạnh, gió TB 8 km/h, độ ẩm 89%, t° = 18°C. Công đóng. Hai bên bờ có rác thải sinh hoạt.	Nước màu xanh lục.	7.38	17.4	4.59	0.5	0.078	0.545	650	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
20	20	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Trời se lạnh, gió TTB 10 km/h, độ ẩm 89%, t° = 18°C. Nước đứng, không có dòng chảy. Hai bên sông nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.4	9.3	<b>1.8</b>	0.3	1.678	0.452	460	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
												động, thực vật thủy sinh.
21	21	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Trời se lạnh, gió BTB 5 km/h, độ ẩm 84%, t° = 17°C. Dòng chảy chậm. Trên mặt sông có bèo.	Nước màu xanh đen.	7.43	15.7	4.85	0.6	0.769	0.882	743	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
22	22	Đầu kênh T5	Trời se lạnh, gió Đông 2 km/h, độ ẩm 74%, t° = 19°C. Nước đứng, không có dòng chảy. Hai bên bờ kênh sạch.	Nước màu vàng lục.	7.62	14.6	5.43	0.5	<b>1.251</b>	0.797	628	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
23	23	Đầu kênh C19	Trời se lạnh, gió ĐN 3 km/h, độ ẩm 72%, t° = 20°C.	Nước màu xanh	7.75	18.5	6.86	0.9	0.754	4.500	1110	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
			Dòng chảy chậm. Trên kênh có bèo trôi.	vàng.								<b>tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
24	24	Đầu kênh T6	Trời nắng nhẹ, gió Đông 2 km/h, độ ẩm 74%, t° = 19°C. Không có dòng chảy. Trên mặt kênh có rác thải.	Nước màu vàng đục.	7.48	27.1	4.15	0.4	<b>1.469</b>	0.754	517	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

**Ghi chú:**

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.